

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 178/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2024
“V/v tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kiều Diễm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lil
Bà Đỗ Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 389/2024/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1982, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bửu 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Chị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 27/8/2024.

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn V, sinh năm 1977, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bửu 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/7/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và Anh Trịnh Văn V tự nguyện chung sống với nhau với nhau từ năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ theo quy định của pháp luật và được ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 06/10/2003.

Tôi và anh Vũ xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, đời sống hôn nhân không đạt được. Tôi và anh Vũ đã ly khoảng 12 năm nay, trong thời gian này vợ chồng tôi không liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tôi không còn tình cảm với anh Vũ nên tôi yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Tôi và Anh Trịnh Văn V có 03 con chung Trịnh Kiều M, sinh ngày 03/10/2000; Trịnh Hồng K, sinh ngày 04/10/2004 và Trịnh Hải Đ, sinh ngày 22/4/2010. Hiện nay Trịnh Kiều M, sinh ngày 03/10/2000; Trịnh Hồng K, sinh ngày 04/10/2004 con đã lớn nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Trịnh Hải Đ, sinh ngày 22/4/2010 hiện nay đang sống chung với anh Vũ nên tôi đồng ý giao lại con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không ai nợ tiền vợ chồng tôi.

Đối với bị đơn Anh Trịnh Văn V: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập Anh Trịnh Văn V tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng Anh Trịnh Văn V vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị B đối với Anh Trịnh Văn V. Về con chung: Giao em Trịnh Hải Đ, sinh ngày 22/4/2010 lại cho anh Vũ tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, anh Vũ không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị B yêu cầu ly hôn với Anh Trịnh Văn V, Anh Trịnh Văn V đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Bửu 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Anh Trịnh Văn V đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị Nguyễn Thị B và Anh Trịnh Văn V.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị B yêu cầu ly hôn với Anh Trịnh Văn V, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị B và Anh Trịnh Văn V tự nguyện chung sống với nhau với có làm đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 06/10/2003 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống Chị Nguyễn Thị B và Anh Trịnh Văn V phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đã ly thân với nhau cho đến nay; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Vũ tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh Vũ vắng mặt không có lý do thể hiện anh Vũ không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại biên bản xác minh ngày 27 tháng 8 năm 2024, của trưởng ấp, ấp Bửu 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định trong thời gian chung sống Chị B và chung sống có đăng ký kết hôn, có 03 con chung, hiện nay 02 con đã trưởng thành và còn 01 em là Trịnh Hải Đ, sinh ngày 22/4/2010 hiện nay do anh Vũ đang chăm sóc và giáo dục, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và cả hai đã sống ly thân cho đến nay. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị B và Anh Trịnh Văn V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị B đối với Anh Trịnh Văn V.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, Chị Nguyễn Thị B và Anh Trịnh Văn V thống nhất xác định chị và anh có 03 con chung tên Trịnh Kiều M, sinh ngày 03/10/2000; Trịnh Hồng K, sinh ngày 04/10/2004 và Trịnh Hải Đ, sinh ngày 22/4/2010. Khi chị và anh Vũ ly thân em Trịnh Hải Đ, sinh ngày 22/4/2010 do anh Vũ chăm sóc. Xét thấy, em Trịnh Hải Đ, sinh ngày 22/4/2010 còn nhỏ và từ khi ly thân đến nay anh Vũ chăm sóc rất tốt. Do đó, cần tiếp tục giao em Trịnh Hải

Đ cho anh Vũ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Trịnh Văn V không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và Chị B không có ý kiến nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị Nguyễn Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Hiện nay Trịnh Kiều M, sinh ngày 03/10/2000; Trịnh Hồng K, sinh ngày 04/10/2004 đã lớn, tự lo cuộc sống của bản thân không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Chị Nguyễn Thị B yêu cầu ly hôn với Anh Trịnh Văn V, nên Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với Anh Trịnh Văn V.

2. Về con chung: Giao em Trịnh Hải Đ, sinh ngày 22/4/2010 cho Anh Trịnh Văn V tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trịnh Văn V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng Chị Nguyễn Thị B phải chịu. Chị Nguyễn Thị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000

đồng theo biên lai thu số 0010491 ngày 24/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Kiều Diễm